TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/DS- ST
Ngày 07/5/2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng, ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2020, tại Phòng xét xử, trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 28/02/2020 và thông báo mở phiên toà số 199/TB-TA, ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị L1.
Địa chỉ: Số A, TDP N, phường L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình B, có mặt.
Địa chỉ: phường T, thị xã B, Đắk Lắk.
- Bị đơn: Ông Lê V, bà Bạch Thị T, có mặt.
Địa chỉ: Số Z, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày có nội dung:

Vào ngày 25/2/2019 vợ chồng ông V, bà T có vay của ông L, bà L1 số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật, thời hạn trả vào ngày 25/5/2019. Quá trình vay ông V, bà T có viết giấy vay tiền viết tay, nhưng không cầm cố thế chấp tài sản gì. Sau khi vay đến hạn trả nợ ông V, bà T vẫn không trả được, đến nay mặc dù đã quá hạn trả nợ,

ông L, bà L1 nhiều lần yêu cầu ông V, bà T trả số tiền nói trên, nhưng ông V, bà T cố tình chây ì, trốn tránh không chịu trả nợ.

Nay ông L, bà L1 yêu cầu ông V, bà T phải trả cho ông bà tổng số tiền 120.246.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong đó số nợ gốc 110.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 25/5/2019 cho đến nay 07/5/2020 là 11 tháng 10 ngày (340 ngày) x lãi suất 10%/năm là 10.246.000đ.

-Bị đơn bà Bạch Thị T trình bày: Tôi và cô L1 có chơi huê hụi với nhau, đến khoảng năm 2017 tôi không có tiền để đóng huê nữa nên đến năm 2018 bà L1 chốt số tiền tôi không đóng huê là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và lãi suất từ tháng 09/2018 cho đến 12/2018 là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), sau đó đến tháng 09/2018 tôi và bà L1 viết 01 giấy nợ tại nhà bà L1, hiện nay bà L1 đang giữ là bà Bạch Thị T có vay của bà Đặng Thị L1 số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi 70.000.000đ. Sau khi viết giấy nợ này mỗi ngày tôi phải trả cho bà L1 số tiền là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), sau đó tôi trả được 04 tháng, tổng cộng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu dồng). Sau đó tôi không trả được nữa nên vào ngày 25/02/2019 giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông L, bà L1 thoả thuận viết 01 giấy nhận nợ cho vợ chồng tôi trả dần với nội dung là ông Lê V, bà Bạch Thị T có nợ của vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị L1 số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và hẹn ngày 25/5/2019 sẽ trả.

Nay ông L bà L1 yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền trên thì tôi đồng ý nhưng xin trả dần.

- Bị đơn ông Lê V trình bày: Tôi là chồng của bà Bạch Thị T, giữa vợ tôi bà T với vợ chồng ông L, bà L1 có quan hệ vay mượn tôi không hề biết, sau này một thời gian tôi mới biết vợ tôi bà T có chơi huê hụi với vợ chồng ông L, bà L1, tôi biết vợ tôi bà T mỗi ngày phải trả cho ông L, bà L1 số tiền huê 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), đến lúc vợ tôi không có khả năng trả nữa thì bà L1 lên nhà quậy phá nên vợ tôi đòi bỏ nhà đi và đòi chết nên tôi đứng ra hứa trả số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng chẵn) cho vợ chồng ông L, bà L1, tôi có ký vào giấy vay tiền ghi ngày 25/02/2019.

Việc bà T chơi huê hụi và hốt huê với vợ chồng ông L, bà L1 thì vợ tôi không đưa tiền về cho gia đình, không tiêu xài cho gia đình. Nay ông L bà L1 yêu cầu vợ chồng phải trả cho ông bà số tiền gốc 110.000.000đ và lãi suất thì tôi đồng ý trả số tiền nợ gốc 110.000.000đ, lãi suất không đồng ý và xin trả dần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông V, bà T phải trả cho ông L, bà L1 số nợ gốc 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 25/2/2019 vợ chồng ông V, bà T có vay của ông L, bà L1 số tiền 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng)*, lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật, thời hạn trả vào ngày 25/5/2019. Quá trình vay ông V, bà T có viết giấy vay tiền viết tay, có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông V, bà T.

Như vậy việc ông L, bà L1 khởi kiện yêu cầu ông V, bà T phải trả cho ông bà số nợ gốc 110.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 25/5/2019 cho đến ngày 07/5/2020 là 11 tháng 10 ngày (340 ngày) x lãi suất 10%/năm là 10.246.000đ, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét lời khai của bị đơn ông Lê V, bà Bạch Thị T cho rằng ông bà không vay tiền của ông L, bà L1 mà số tiền nợ xuất phát từ việc bà T chơi huê hụi với bà L1 dẫn đến số nợ trên. Tuy nhiên ngoài lời khai ra ông V, bà T không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, Về nguyện vọng ông V, bà T đồng ý trả số tiền gốc 110.000.000đ nhưng xin trả dần, còn lãi suất không đồng ý, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Lê V, bà Bạch Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị L1: Buộc vợ chồng ông Lê V, bà Bạch Thị T phải có nghĩa vụ

liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị L1 tổng số tiền 120.246.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng)* và lãi suất tính từ ngày 25/5/2019 cho đến ngày 07/5/2020 là 11 tháng 10 ngày (340 ngày) x lãi suất 10%/năm, thành tiền là 10.246.000đ *(Mười triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2.Về án phí: Ông Lê V, bà Bạch Thị T phải chịu 6.012.000đ (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.095.000đồng theo biên lai thu số AA/2019/0004670 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Hường